TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2025/KDTM-ST
Ngày: 11-9-2025
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Sơn Tây.

Ông Tống Văn Tâm.

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Lê Hà Trang, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trinh, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 100/2025/TLST-KDTM ngày 10 tháng 6 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST-KDTM ngày 28 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2025/QĐST-KDTM ngày 20 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty TNHH Gỗ L; địa chỉ: Lô M42, đường Lý Thái T, phường H, thành phố T tỉnh Bình Dương (nay là Lô M42, đường Lý Thái T, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị T, chức vụ: Giám đốc là người đại diện theo pháp luật. Bà Lê Thị T ủy quyền cho ông Phan Quốc S, sinh năm 2001; địa chỉ liên hệ: Số 84 Nguyễn Tri P, khu phố Bình Minh 2, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là Số 84 Nguyễn Tri P, khu phố Bình Minh 2, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh - Giấy ủy quyền ngày 23/5/2025), là người đại diện theo ủy quyền, có mặt.

- *Bị đơn*: Công ty TNHH T (nay là Công ty TNHH A); địa chỉ: Lô A5 đường số 1, cụm công nghiệp Uyên Hưng, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là Lô A5 đường số 1, cụm công nghiệp U, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp: Ông Pan Hao H; chức vụ: Chủ tịch Công ty là người đại diện theo pháp luật, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH T (nay là Công ty TNHH A) và Công ty TNHH Gỗ L có ký kết các Hợp đồng mua bán số: 03/2024-LC&TC ngày 18/01/2024; số: 01/2025-LC&TC ngày 02/01/2025. Theo đó, bên bán là Công ty L bán hàng hóa là "gỗ các loại" cho bên mua là Công ty TNHH T. Phương thức thanh toán là thanh toán bằng chuyển khoản sau khi giao hàng từ 30 đến 90 ngày.

Sau khi ký kết hợp đồng, Công ty TNHH Gỗ L dựa trên đơn đặt hàng của Công ty TNHH A, hoàn thành đơn hàng và giao tới cho Công ty TNHH A. Sau khi giao hàng đầy đủ theo các đơn hàng của Công ty TNHH A, Công ty TNHH Gỗ L đã chốt công nợ và xuất cho Công ty TNHH A các Hóa đơn giá trị gia tăng sau: số 365 ngày 25/6/2024, số 1 ngày 24/8/2024, số 39 ngày 23/9/2024, số 81 ngày 14/10/2024, số 105 ngày 26/10/2024, số 21 ngày 20/01/2025.

Tổng giá trị hàng hóa Công ty TNHH Gỗ L giao cho Công ty TNHH A theo các hóa đơn nói trên là 1.091.514.042 đồng. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay Công ty TNHH A mới chỉ thanh toán cho Công ty TNHH Gỗ L số tiền 643.296.908 đồng, còn lại số tiền 448.217.134 đồng chưa thanh toán.

Công ty TNHH Gỗ L nhiều lần liên lạc và yêu cầu Công ty TNHH A thanh toán công nợ nhưng không có kết quả. Việc Công ty TNHH A cố tình không thanh toán công nợ đã gây ra cho Công ty TNHH Gỗ L rất nhiều khó khăn và thiệt hại rất lớn trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó, Công ty TNHH Gỗ L khởi kiện yêu cầu: Buộc Công ty TNHH A thanh toán cho Công ty TNHH Gỗ L tổng số tiền là 534.366.807 đồng (Năm trăm ba mươi tư triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn tám trăm linh bảy đồng), trong đó bao gồm:

- Tiền nợ gốc: 448.217.134 đồng.

- Tiền lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính từ 90 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn giá trị gia tăng đến ngày xét xử sơ thẩm (tạm tính đến ngày 11/9/2025) với lãi suất 1%/ tháng như sau:

1. Hóa đơn số 365 ngày 25/6/2024, số tiền 167.005.962 đồng, lãi suất tính như sau:

Tính từ ngày 25/9/2024 đến ngày 22/5/2025 số tiền 167.005.962 đồng: 167.005.962 đồng x 1% x 7 tháng 27 ngày = 13.193.470 đồng;

Ngày 22/5/2025, Công ty TNHH A thanh toán cho Công ty TNHH Gỗ L số tiền 89.970.310 đồng, số tiền còn lại của Hóa đơn số 365 là 77.035.652 đồng tính từ ngày 23/5/2025 đến ngày 27/6/2025: 77.035.652 x 1% x 1 tháng 04 ngày = 871.503 đồng.

- Ngày 27/6/2025, Công ty TNHH A thanh toán cho Công ty TNHH Gỗ L số tiền 79.973.609 đồng, trừ hết cho Hóa đơn số 365, còn lại 2.937.957 đồng trừ cho Hóa đơn số 1 ngày 24/8/2024.

2. Hóa đơn số 1 ngày 24/8/2024, số tiền 228.155.292 đồng, lãi suất tính như sau:

Tính từ 24/11/2024 đến 27/6/2025 số tiền 228.155.292 đồng: 228.155.292 x 1% x 7 tháng 03 ngày = 16.198.026 đồng;

Tính từ 27/6/2025 đến 22/7/2025 số tiền 225.217.335 đồng (còn 2.937.957 đồng bên trên): 225.217.335 x 1% x 25 ngày = 1.875.063 đồng.

3. Hóa đơn số 39 ngày 23/9/2024, số tiền 199.738.062 đồng, lãi suất tính từ 23/12/2024 đến 22/7/2025: 188.738.062 x 1% x 7 tháng = 13.211.664 đồng;

Đến ngày 22/7/2025 Công ty TNHH A đã thanh toán cho Công ty TNHH Gỗ L số tiền 421.374.989 đồng và ngày 14/8/2025 thanh toán số tiền 51.978.000 đồng, trừ hết cho các Hóa đơn số 1, Hóa đơn số 39, còn lại 48.397.592 đồng trừ cho Hóa đơn số 81.

4. Hóa đơn số 81 ngày 14/10/2024, số tiền 294.959.232 đồng, lãi suất tính như sau:

- Tính từ 14/01/2025 đến 22/7/2025 số tiền 294.959.232 đồng: 294.959.232 x 1% x 6 tháng 08 ngày = 23.301.779 đồng;

- Tính từ 23/7/2025 đến ngày 11/9/2025 số tiền 246.561.640 đồng: 246.561.640 x 1% x 1 tháng 18 ngày = 3.944.986 đồng.

5. Hóa đơn số 105 ngày 26/10/2024, số tiền 146.178.918 đồng, lãi suất tính từ 26/01/2025 đến 11/9/2025: 146.178.918 x 1% x 7 tháng 15 ngày = 10.963.419 đồng;

6. Hóa đơn số 21 ngày 20/01/2025, số tiền 55.476.576 đồng, lãi suất tính từ 20/04/2025 đến 11/9/2025: 55.476.576 x 1% x 4 tháng 20 ngày = 2.589.763 đồng.

Tổng lãi suất yêu cầu Công ty TNHH A phải thanh toán là 86.149.673 đồng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH T (nay là Công ty TNHH A) vắng mặt, tuy nhiên tại biên bản làm việc ngày 04/7/2025, người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH A trình bày: Bị đơn thống nhất toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn sẽ thanh toán cho nguyên đơn số tiền 921.514.042 đồng (số tiền chốt nợ đến ngày 04/7/2025). Phương thức thanh toán như sau:

- Chậm nhất ngày 18/7/2025, Công ty TNHH T (nay là Công ty TNHH A) có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH Gỗ L số tiền 460.757.021 đồng.

- Chậm nhất ngày 08/8/2025, Công ty TNHH T (nay là Công ty TNHH A) có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH Gỗ L số tiền 460.757.021 đồng.

Trường hợp Công ty TNHH T (nay là Công ty TNHH A) vi phạm nghĩa vụ thanh toán nêu trên sẽ phải chịu số tiền phạt là 150.000.000 đồng cùng với tiền lãi suất.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định; bị đơn vắng mặt tất cả các lần Tòa án thông báo, triệu tập là tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu và kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng.

Về nội dung: Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 1.049.001.032 đồng trong đó số tiền nợ gốc là 1.001.514.042 đồng và số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là 47.486.990 đồng. Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 643.296.906 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc là 448.217.134 đồng, lãi do chậm thanh toán là 86.149.673 đồng. Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Công ty TNHH Gỗ L khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH T (nay là Công ty TNHH A) thanh toán tiền phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa. Bị đơn Công ty TNHH T (nay là Công ty TNHH A) có trụ sở tại lô A5 đường số 1, cụm công nghiệp Uyên Hưng, phường Uyên Hưng, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là lô A5 đường số 1, cụm công nghiệp Uyên Hưng, phường Tân Uyên, Thành phố Hồ Chí Minh). Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Tại Công văn số 913/ĐKKD ngày 23/6/2025 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương xác định tình trạng pháp lý của Công ty TNHH T (nay là Công ty TNHH A) đang còn hoạt động, chưa đăng ký thay đổi nội dung hay giải thể doanh nghiệp và có trụ sở tại Lô A5 đường số 1, cụm công nghiệp Uyên Hưng, phường Uyên Hưng, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là Lô A5 đường số 1, cụm công nghiệp Uyên Hưng, phường Tân Uyên, Thành phố Hồ Chí Minh). Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn Công ty TNHH A và bị đơn có lên làm việc tại Tòa án ngày 04/7/2025

nhưng sau đó bị đơn vắng mặt. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về phạm vi khởi kiện: Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 1.049.001.032 đồng trong đó số tiền nợ gốc là 1.001.514.042 đồng và số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là 47.486.990 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền là 643.296.908 đồng. Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 643.296.906 đồng. Đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nghĩa vụ thanh toán: Giữa Công ty TNHH Gỗ L và Công ty TNHH A có quan hệ mua bán hàng hóa, Công ty TNHH Gỗ L bán "gỗ các loại" cho Công ty TNHH A theo Hợp đồng mua bán số 03/2024 ngày 18/01/2024 và Hợp đồng mua bán số 01/2025 ngày 02/01/2025. Việc mua bán được thực hiện căn cứ vào từng đơn đặt hàng của bị đơn, số lượng hàng hóa được xác định theo phiếu giao hàng của của bên bán. Phương thức thanh toán là thanh toán bằng chuyển khoản sau khi giao hàng từ 30 đến 90 ngày. Quá trình mua bán, Công ty TNHH Gỗ L đã giao hàng theo đơn hàng của Công ty TNHH A và có xuất các Hóa đơn giá trị gia tăng: số 365 ngày 25/6/2024, số 1 ngày 24/8/2024, số 39 ngày 23/9/2024, số 81 ngày 14/10/2024, số 105 ngày 26/10/2024, số 21 ngày 20/01/2025 và có bảng đối chiếu công nợ. Công ty TNHH A vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH A đã làm việc tại Tòa án ngày 04/7/2025 thống nhất toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Gỗ L và đã đưa ra phương án thanh toán nợ. Công ty TNHH Gỗ L xác định Công ty TNHH A đã trả số tiền 643.296.908 đồng theo các ngày: 22/5/2025 với số tiền 89.970.310 đồng, 27/6/2025 với số tiền 79.973.609 đồng, ngày 22/7/2025 với số tiền 421.374.989 đồng và ngày 14/8/2025 với số tiền 51.978.908 đồng, số tiền Công ty TNHH A còn nợ là 448.217.134 đồng. Như vậy, Công ty TNHH A không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH Gỗ L là vi phạm nghĩa vụ tại Điều 50, 55 Luật Thương mại. Do đó, Công ty TNHH Gỗ L yêu cầu Công ty TNHH A phải thanh toán số tiền gốc là 448.217.134 đồng có căn cứ chấp nhận.

[5] Về yêu cầu thanh toán tiền lãi: Công ty TNHH Gỗ L yêu cầu Công ty TNHH A thanh toán tiền lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính từ 90 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn giá trị gia tăng đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11/9/2025) với lãi suất 1%/ tháng như sau:

1. Hóa đơn số 365 ngày 25/6/2024, số tiền 167.005.962 đồng, lãi suất tính như sau:

Tính từ ngày 25/9/2024 đến ngày 22/5/2025 số tiền 167.005.962 đồng: 167.005.962 đồng x 1% x 7 tháng 27 ngày = 13.193.470 đồng;

Ngày 22/5/2025, Công ty TNHH A thanh toán cho Công ty TNHH Gỗ L số tiền 89.970.310 đồng, số tiền còn lại của Hóa đơn số 365 là 77.035.652 đồng

tính từ ngày 23/5/2025 đến ngày 27/6/2025: 77.035.652 x 1% x 1 tháng 04 ngày = 871.503 đồng.

- Ngày 27/6/2025, Công ty TNHH A thanh toán cho Công ty TNHH Gỗ L số tiền 79.973.609 đồng, trừ hết cho Hóa đơn số 365, còn lại 2.937.957 đồng trừ cho Hóa đơn số 1 ngày 24/8/2024.

2. Hóa đơn số 1 ngày 24/8/2024, số tiền 228.155.292 đồng, lãi suất tính như sau:

Tính từ 24/11/2024 đến 27/6/2025 số tiền 228.155.292 đồng: 228.155.292 x 1% x 7 tháng 03 ngày = 16.198.026 đồng;

Tính từ 27/6/2025 đến 22/7/2025 số tiền 225.217.335 đồng (còn 2.937.957 đồng bên trên): 225.217.335 x 1% x 25 ngày = 1.875.063 đồng.

3. Hóa đơn số 39 ngày 23/9/2024, số tiền 199.738.062 đồng, lãi suất tính từ 23/12/2024 đến 22/7/2025: 188.738.062 x 1% x 7 tháng = 13.211.664 đồng;

- Đến ngày 22/7/2025 Công ty TNHH A đã thanh toán cho Công ty TNHH Gỗ L số tiền 421.374.989 đồng và ngày 14/8/2025 thanh toán số tiền 51.978.000 đồng, trừ hết cho các Hóa đơn số 1, Hóa đơn số 39. Còn lại 48.397.592 đồng trừ cho Hóa đơn số 81.

4. Hóa đơn số 81 ngày 14/10/2024, số tiền 294.959.232 đồng, lãi suất tính như sau:

Tính từ 14/01/2025 đến 22/7/2025 số tiền 294.959.232 đồng: 294.959.232 x 1% x 6 tháng 08 ngày = 23.301.779 đồng;

Tính từ 23/7/2025 đến ngày 11/9/2025 số tiền 246.561.640 đồng: 246.561.640 x 1% x 1 tháng 18 ngày = 3.944.986 đồng.

5. Hóa đơn số 105 ngày 26/10/2024, số tiền 146.178.918 đồng, lãi suất tính từ 26/01/2025 đến 11/9/2025: 146.178.918 x 1% x 7 tháng 15 ngày = 10.963.419 đồng;

6. Hóa đơn số 21 ngày 20/01/2025, số tiền 55.476.576 đồng, lãi suất tính từ 20/04/2025 đến 11/9/2025: 55.476.576 x 1% x 4 tháng 20 ngày = 2.589.763 đồng.

Tổng lãi suất yêu cầu Công ty TNHH A phải thanh toán là 86.149.673 đồng.

Như đã phân tích nêu trên, Công ty TNHH A vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty TNHH Gỗ L yêu cầu Công ty TNHH A phải thanh toán tiền lãi là có căn cứ chấp nhận. Công ty TNHH Gỗ L đã tính tiền lãi theo từng hóa đơn theo thời điểm Công ty TNHH A thanh toán cho Công ty TNHH Gỗ L là phù hợp. Đối chiếu với mức lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại tại thời điểm xét xử sơ thẩm xét thấy mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán là 1%/tháng là

có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại.

[6] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Gỗ L có căn cứ chấp nhận.

[7] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

[8] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 92, Điều 147; Điều 227; Điều 244; Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 24, Điều 50, Điều 55 và Điều 306 Luật Thương mại.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Gỗ L đối với Công ty TNHH T (nay là Công ty TNHH A) về việc yêu cầu thanh toán số tiền 643.296.908 đồng (Sáu trăm bốn mươi ba triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn chín trăm lẻ tám đồng).

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Gỗ L đối với Công ty TNHH T (nay là Công ty TNHH A) về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Buộc Công ty TNHH A có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH Gỗ L tổng số tiền 534.366.807 đồng (Năm trăm ba mươi tư triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn tám trăm linh bảy đồng), trong đó tiền nợ gốc là 448.217.134 đồng (Bốn trăm bốn mươi tám triệu hai trăm mười bảy nghìn một trăm ba mươi bốn đồng) và tiền nợ lãi là 86.149.673 đồng (Tám mươi sáu triệu một trăm bốn mươi chín nghìn sáu trăm bảy mươi ba đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật Thương mại tương ứng với với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH A phải chịu 25.374.672 đồng (Hai mươi lăm triệu ba trăm bảy mươi bốn nghìn sáu trăm bảy mươi hai đồng).

- Hoàn trả Công ty TNHH Gỗ L số tiền 21.735.000 đồng (Hai mươi mốt triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí còn lại theo Biên lai thu số 0002748 ngày 04/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hương